TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2020/DS-ST
Ngày: 04/11/2020
Vụ án: *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thiện

2. Bà Trần Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lộc- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 374/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty XYZ**

Trụ sở: Số x, phường y, quận z, thành phố xy.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **LXV** sinh năm 1989 *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp xyz, xyz, xyz.

Bà **NTTT** sinh năm 1990 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số x, phường y, quận z, thành phố xy.

- *Bị đơn:* Bà **NHHV** *(vắng mặt)*

Đăng ký thường trú: Số yyy, phường yyy, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đại diện nguyên đơn – ông LXV, bà NTTT trình bày:

Bà V được Công ty XYZ tuyển dụng với chức danh là Cửa hàng trưởng Cửa hàng XYZ PQ tại địa chỉ Số zzz, yyy, zzz theo Hợp đồng lao động số 63/2017/HĐLĐ-MPS-BL ngày 26/01/2017. Trong quá trình làm việc từ ngày

26/01/2017 đến ngày 31/10/2018 Bà V đã chiếm đoạt trái phép của Công ty tổng cộng 27 thiết bị điện tử với tổng giá trị là 84.370.000 đồng. Trong đó: 08 chiếc điện thoại máy mới tương ứng 47.860.000 đồng; 04 chiếc điện thoại Demo tương ứng 25.960.000 đồng và 15 thiết bị linh phụ kiện tương ứng 10.550.000 đồng. Ngày 15/11/2017, Công ty có gửi thư mời Bà V tham gia cuộc họp xử lý vi phạm và Bà V đã ký vào phương án xử lý: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký tên vào biên bản, Bà V phải thanh toán đầy đủ số tiền tương ứng với số tiền đã chiếm đoạt của Công ty là 27 thiết bị điện tử. Nhưng đến nay, Công ty chưa nhận được khoản tiền nào từ Bà V.

Vụ án này đã được TAND h. PQ thụ lý giải quyết theo địa chỉ tạm trú của bị đơn tại ấp SĐ, xã DT, huyện PQ, tỉnh KG. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, bị đơn không còn tạm trú tại địa chỉ trên nên Tòa án nhân dân huyện PQ đã ban hành Quyết định chuyển vụ án số 15/2019/QĐST–DS ngày 17/6/2019 chuyển vụ án trên cho Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều giải quyết với lý do Bà V đăng ký thường trú tại địa chỉ Số yyy, phường yyy, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hợp lệ đối với bị đơn bà NHHV tại nơi đăng ký thường trú: Số yyy, phường yyy, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/3/2020; ngày 14/8/2020 nhưng Bà V đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn – ông LXV và bà NTTT trình bày: Phía Công ty XYZ chỉ yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự buộc Bà V trả số tiền 84.370.000 đồng. Trong đó: 08 chiếc điện thoại máy mới tương ứng 47.860.000 đồng; 04 chiếc điện thoại Demo tương ứng 25.960.000 đồng và 15 thiết bị linh phụ kiện tương ứng 10.550.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Công ty XYZ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà NHHV phải thanh toán lại cho Công ty số tiền 84.370.000 đồng. Phía bị đơn quá trình giải quyết vắng mặt nên không thể hiện được ý kiến về nội dung của vụ án. Vụ việc xảy ra tại huyện PQ. Tuy nhiên, Bà V có nơi đăng ký thường trú tại phường An Cư, quận Ninh Kiều nên Tòa án nhân dân huyện PQ chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều để giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định tranh chấp đòi lại tài sản là đúng quy định pháp luật.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng quy định bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ có tiến hành xác minh địa chỉ bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà NHHV được nguyên đơn tuyển dụng với chức danh cửa hàng trưởng cửa hàng XYZ PQ, tỉnh Kiên Giang theo hợp đồng lao động số 63/2017/HĐLĐ-MPS-BL ngày 26/01/2017. Trong quá trình làm việc từ ngày 26/01/2017 đến ngày 31/10/2018 Bà V đã giữ các tài sản của Công ty tổng cộng 27 thiết bị điện tử với tổng giá trị 84.370.000 đồng. Trong đó: có 08 chiếc điện thoại máy mới tương ứng 47.860.000 đồng, 04 chiếc điện thoại demo tương ứng 25.960.000 đồng và 15 thiết bị linh phụ kiện tương ứng 10.550.000 đồng. Ngày 15/11/2017, Bà V có tham gia cuộc họp xử lý vi phạm của Công ty với nội dung Bà V đã đem 04 máy demo, 08 máy mới đi cầm cố bên ngoài với tổng giá trị 34.500.000 đồng và bán 14 USB 3GB với giá trị 9.660.000 đồng, 01 loa micro số tiền 890.000 đồng nhưng không nộp tiền lại cho Công ty. Bà đã đem hết số tiền trên cho bạn trai là NTL (có bảng kê cụ thể tên và số tiền từng thiết bị điện tử kèm trong biên bản) Bà V ký vào biên bản đồng ý phương án xử lý: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký tên vào biên bản, Bà V phải thanh toán lại cho Công ty tổng cộng 84.370.000 đồng nhưng Bà V không thực hiện. Công ty đã cung cấp biên bản có chữ ký của Bà V nên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với nội dung hồ sơ vụ việc và có đủ cơ sở để chấp nhận. Quá trình giải quyết bị đơn vắng mặt nên không thể hiện được ý kiến cũng như bị đơn đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn tiếp tục vắng mặt. Nguyên đơn tuy không chứng minh được mình đã giao tài sản cho bị đơn quản lý nhưng phía bị đơn thừa nhận đã đem tài sản của bị đơn ra ngoài bán nhưng chưa thu hồi được số tiền. Đồng thời thừa nhận tổng số tiền còn nợ của nguyên đơn là 84.370.000 đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn tổng số tiền 84.370.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty XYZ *(Gọi tắt là: Công ty XYZ)* đã tuyển dụng bà NHHV với chức danh Cửa hàng trưởng – thực hiện nhiệm vụ quản lý bán hàng là các sản phẩm điện thoại, mặt hàng linh kiện điện thoại tại Cửa hàng XYZ PQ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc bán hàng bà không thanh toán lại tiền hàng cho Công ty XYZ. Do đó, Công ty XYZ khởi kiện trách nhiệm dân sự yêu cầu Bà V trả lại số tiền 84.370.000 đòng. Bị đơn bà NHHV đăng ký thường trú tại quận Ninh Kiều nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

***2]Về thủ tục tố tụng*:**

Bị đơn bà NHHV đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên tòa ngày 15/10/2020 và ngày 04/11/2020 nhưng bà đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 84.370.000 đồng.

Xét thấy: Theo Hợp đồng lao động ngày 26/01/2017 thể hiện giữa Công ty XYZ và Bà V đã ký hợp đồng lao động với nhau. Theo đó, Bà V được tuyển dụng với chức danh cửa hàng trưởng, nhiệm vụ là quản lý tài sản cửa hàng theo hướng dẫn nghiệp vụ tại cửa hàng shop in shop XYZ và bán hàng hóa do Công ty XYZ cung cấp gồm các sản phẩm: máy điện thoại mới và điện thoại demo các loại và các mặt hàng linh phụ kiện điện thoại. Cụ thể, theo các phiếu chuyển kho nội bộ vào các ngày 23/11/2016; 06/8/2017, ngày 13/7/2017, 16/8/2017, 29/8/2017, 27/9/2017, 28/12/2016, 10/01/2017, 16/8/2017, 20/7/2017, 27/7/2017, 24/11/2016, 29/3/2017 và ngày 24/4/2017 giữa Công ty XYZ và kho nhận là KG – PQ bán lẻ (nơi Bà V làm cửa hàng trưởng) và các hóa đơn giá trị gia tăng đã thể hiện các sản phẩm Công ty XYZ chuyển cho Bà V bán, trong đó có 08 chiếc điện thoại máy mới tương ứng 47.860.000 đồng; 04 chiếc điện thoại Demo tương ứng 25.960.000 đồng và 15 thiết bị linh phụ kiện tương ứng 10.550.000 đồng. Tổng giá trị là 84.370.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Bà V đã vi phạm. Cụ thể, tại biên bản vụ việc ngày 01/11/2017 và biên bản họp xử lý vi phạm kỷ luật lao động ngày 15/11/2017 tại Văn phòng XYZ Plus thể hiện bà NHHV đã có mặt và ký tên vào các biên bản đã thừa nhận mang các sản phẩm trên ra ngoài bán chưa thanh toán số tiền 84.370.000 đồng lại cho Công ty. Bà V cam kết thanh toán trong vòng 10 ngày chia làm 03 đợt kể từ ngày xác nhận vào biên bản vi phạm kỷ luật lao động (tức từ ngày 15/11/2017 đến ngày 25/11/2017) nhưng Bà V không thực hiện nên Công ty XYZ khởi kiện yêu cầu Bà V trả số tiền trên.

Từ những chứng cứ và phân tích trên cho thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền: 84.370.000 đồng.

Do đó, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên có có cơ sở chấp nhận.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí giá ngạch bị đơn phải nộp là: 5% x 84.370.000 đồng = 4.218.500 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1] Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2*]Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần dịch vụ gia tăng XYZ (Gọi tắt là: Công ty XYZ).

Buộc bị đơn bà NHHV trả cho nguyên đơn Công ty XYZ số tiền 84.370.000 đồng *(Tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Bị đơn bà NHHV phải chịu 4.218.500 đồng (Bốn triệu hai trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn Công ty XYZ được nhận lại số tiền 2.109.250 đồng *(Hai triệu một trăm lẻ chín ngàn hai trăm năm mươi đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002411 ngày 07/3/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện PQ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết)* để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP.CT
- VKSNDQ.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Chi cục THADS H.Phú Quốc, t. Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi